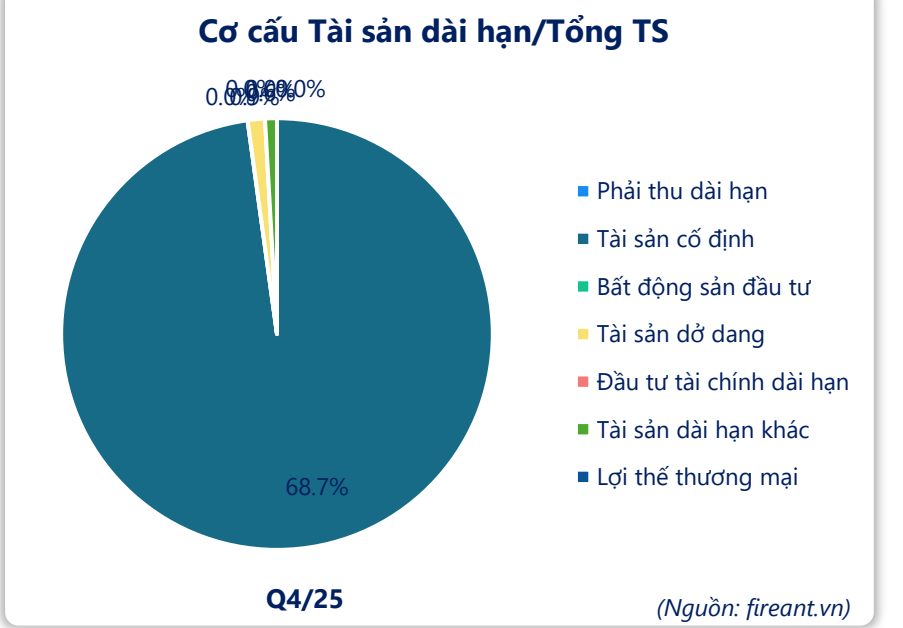
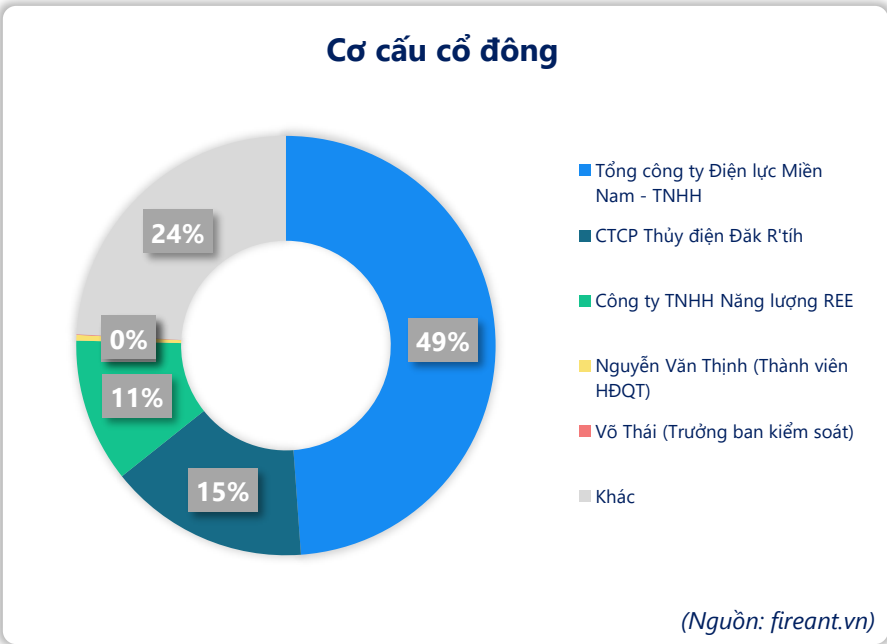
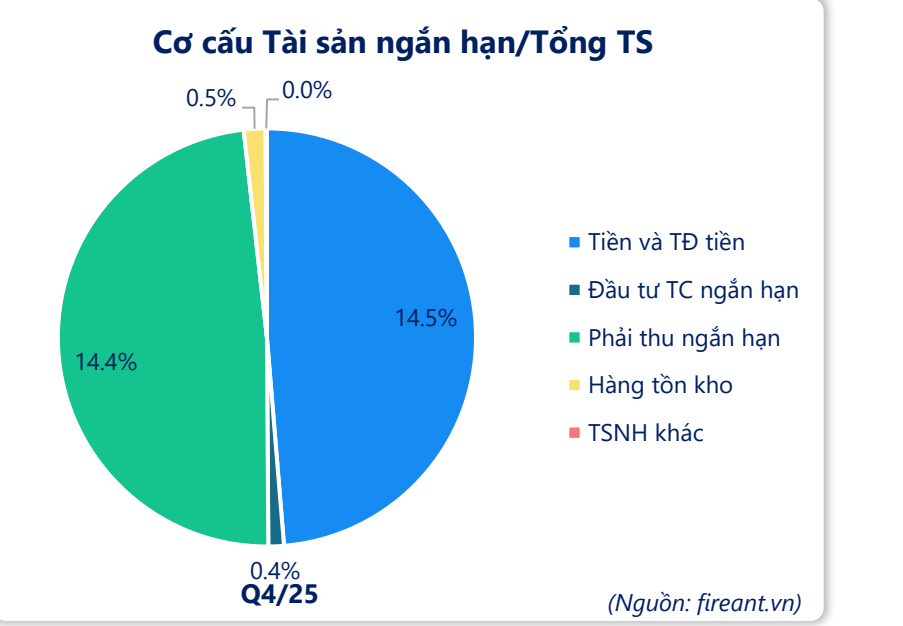
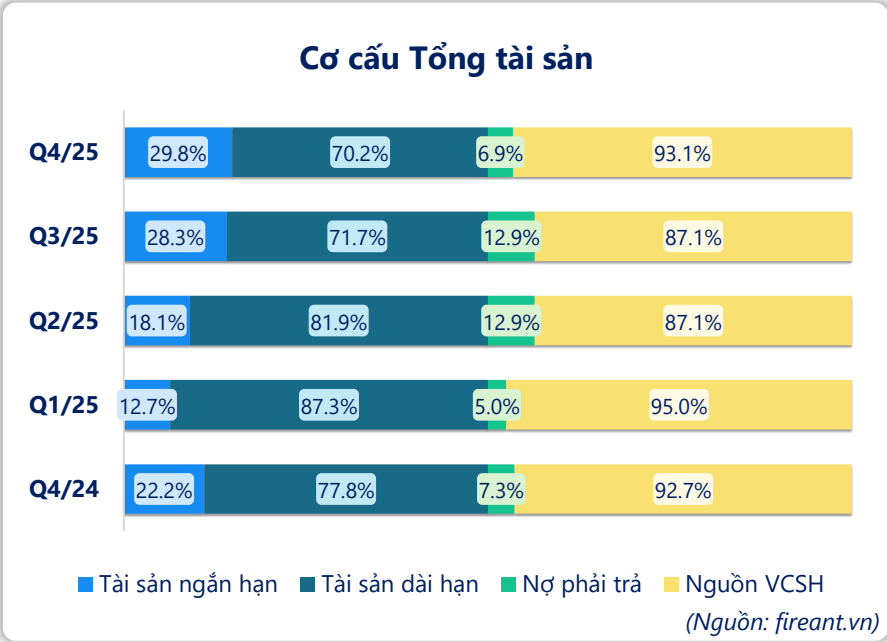
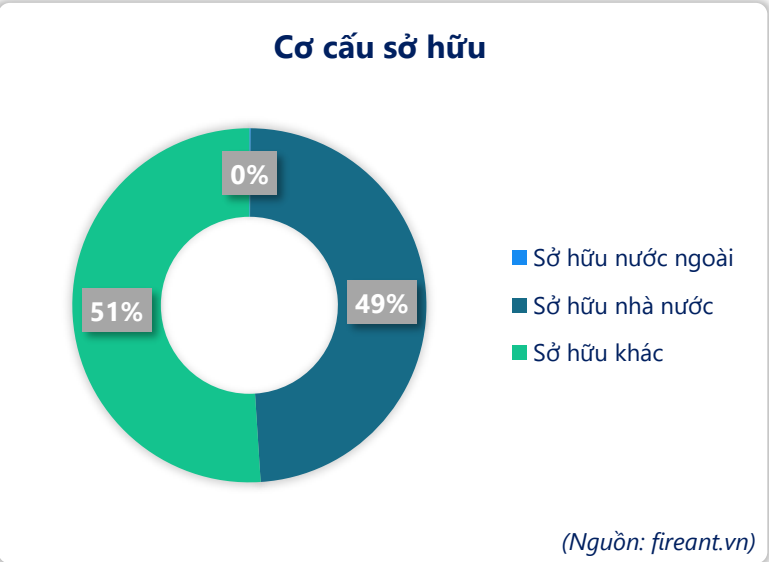
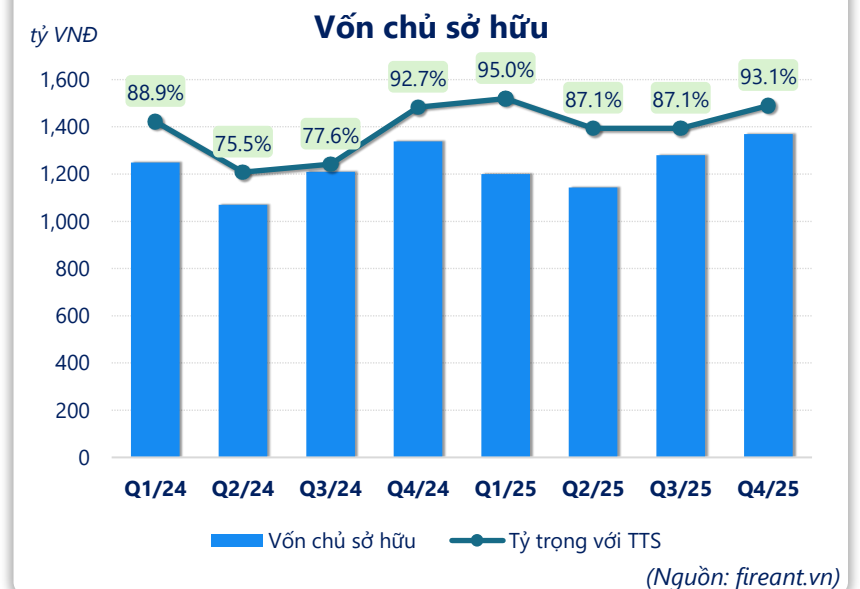
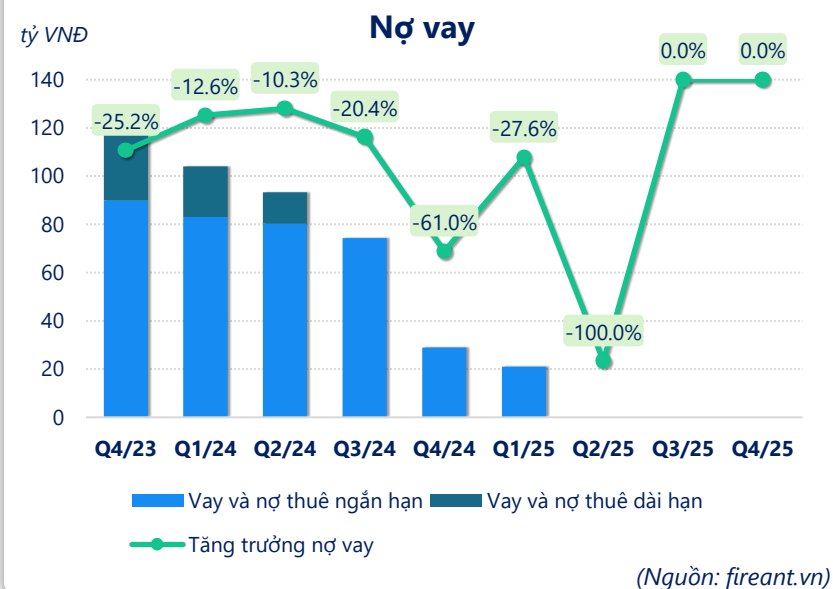
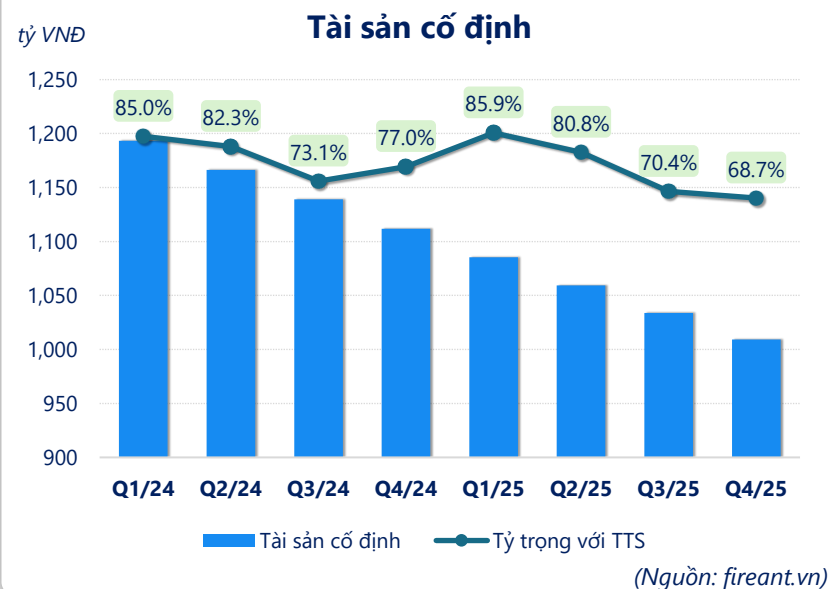
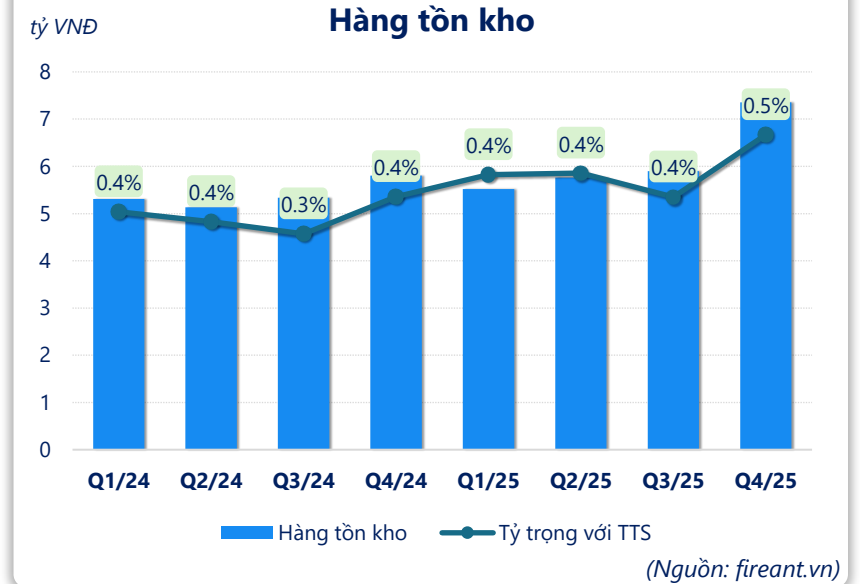
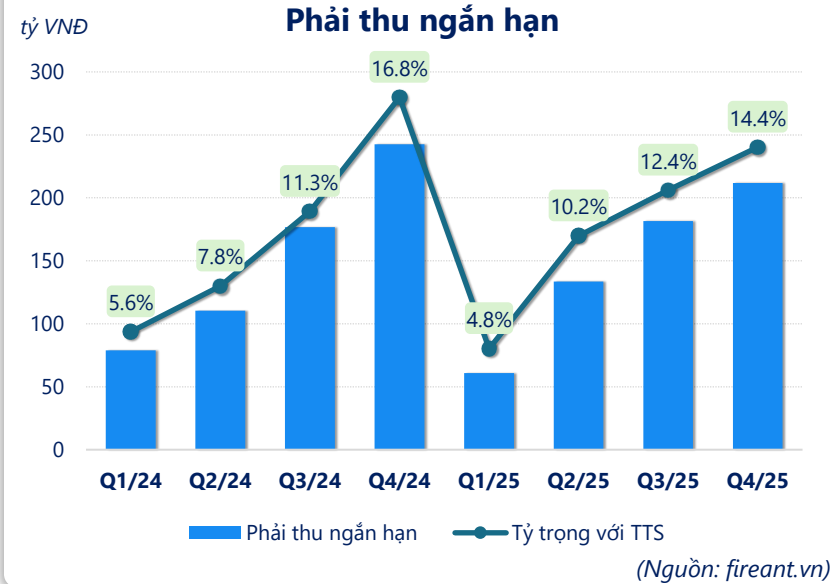
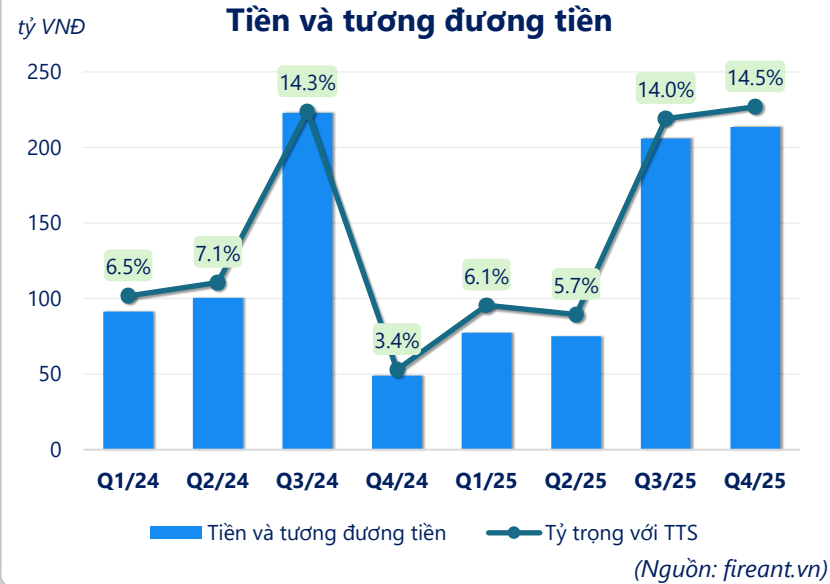
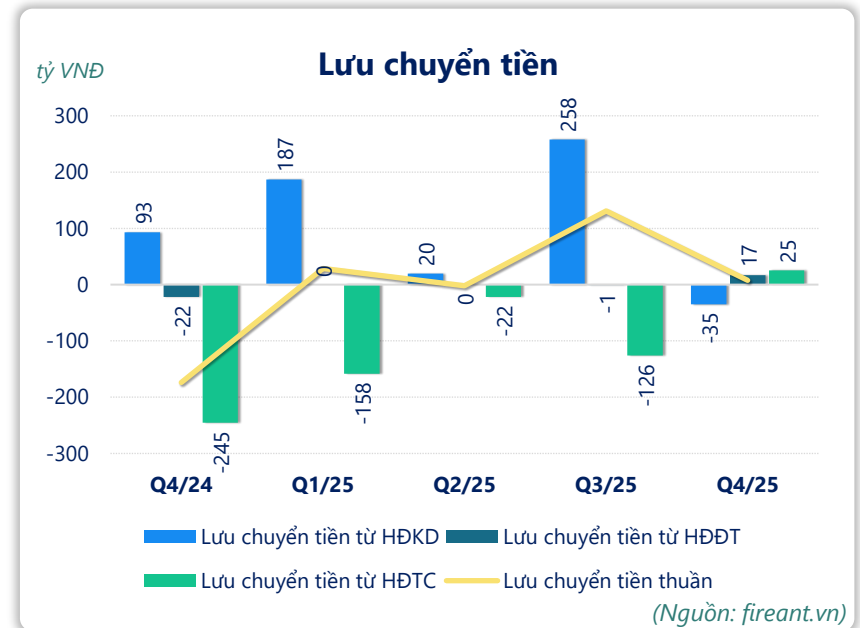
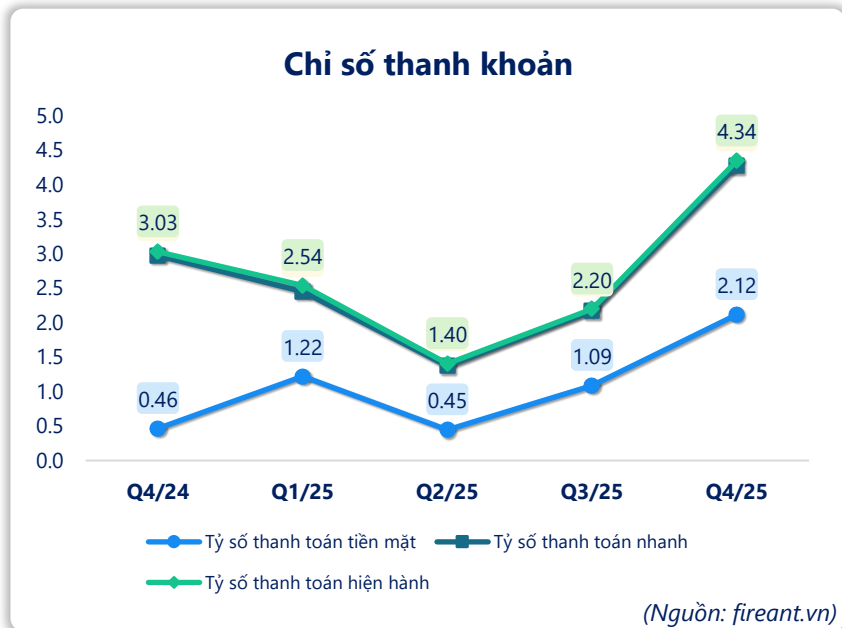
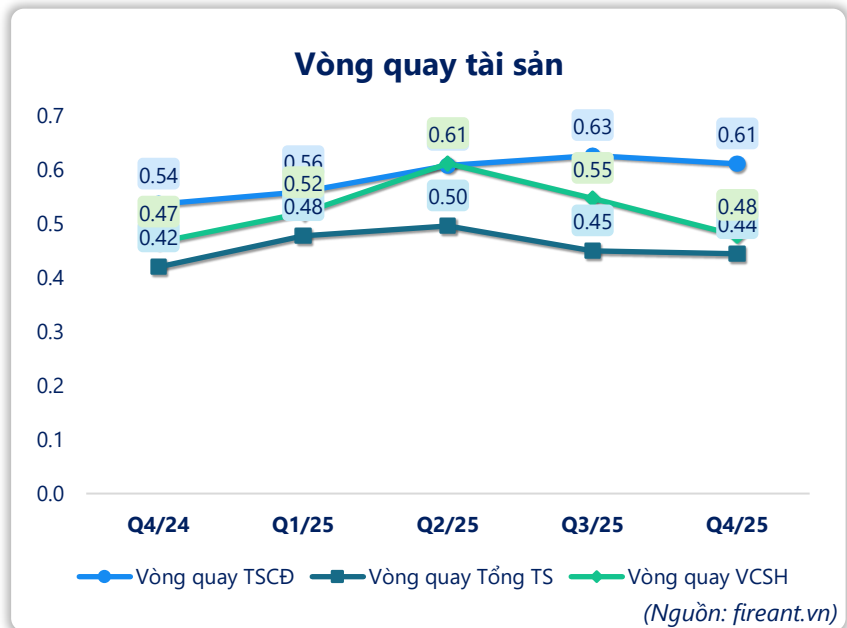
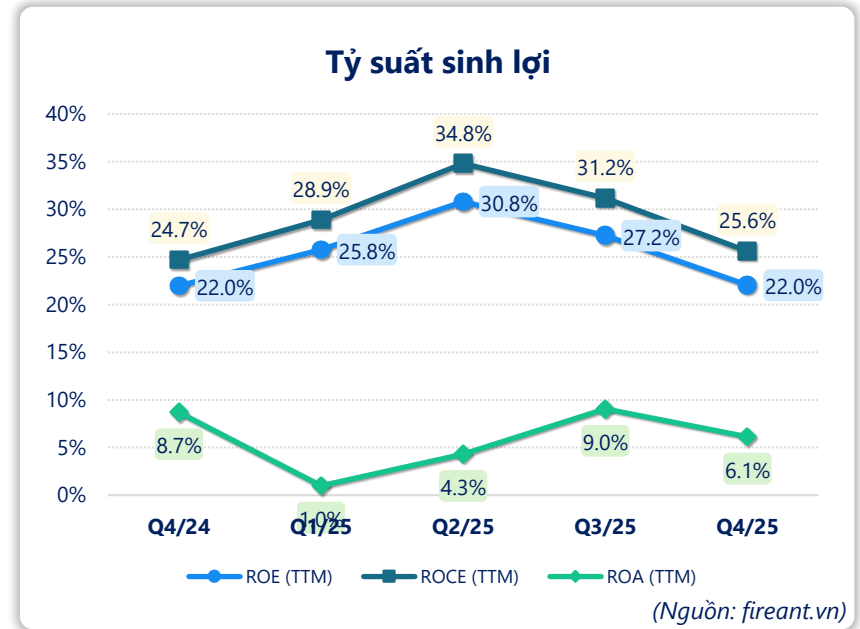
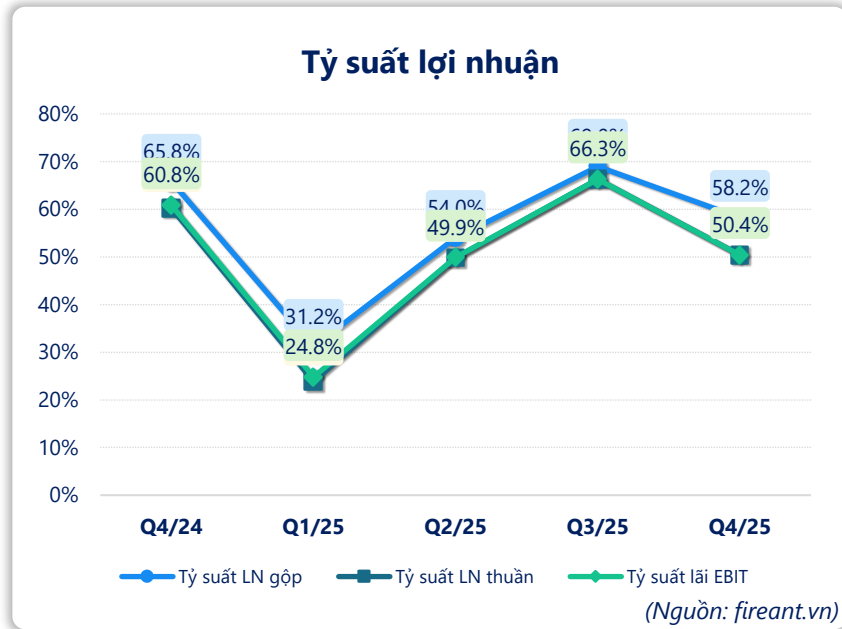
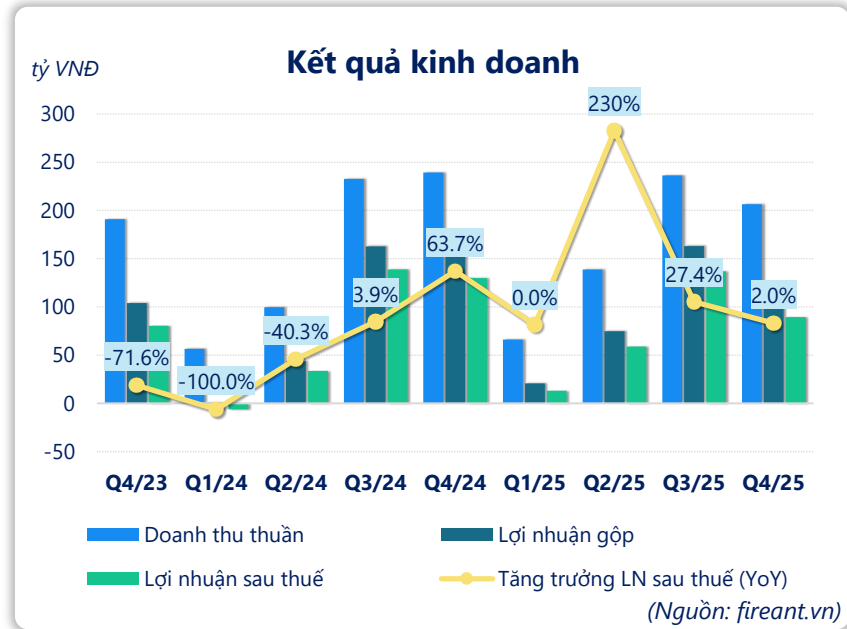


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,693
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,021
SL cổ phiếu LH		101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,970
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,446
P/E		11.6
EPS		2,947

	YTD	1T	3T	6T
SHP	5.4%	-2.3%	-2.7%	-3.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,470	1,444	1.8%
Tài sản ngắn hạn	438	309	41.7%
Tiền và tương đương tiền	213	49.0	336%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.24	16.8	-68.7%
Phải thu ngắn hạn	212	237	-10.7%
Hàng tồn kho	7.35	5.80	26.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0.72	-38.6%
Tài sản dài hạn	1,032	1,135	-9.1%
Phải thu dài hạn	0.01	6.01	-99.9%
Tài sản cố định	1,009	1,112	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.3	1.57	747%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	5.24	-100%
Tài sản dài hạn khác	9.14	10.3	-11.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	101	106	-4.6%
Nợ ngắn hạn	101	106	-4.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	29.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.91	3.07	190%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,369	1,339	2.3%
Vốn chủ sở hữu	1,369	1,339	2.3%
Vốn điều lệ	1,012	1,012	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	239	66.1	139	236	207
Giá vốn hàng bán	81.8	45.5	63.8	73.4	86.3
Lợi nhuận gộp	157	20.6	74.9	163	120
Doanh thu HĐTC	0.42	1.12	0.76	1.19	1.75
Chi phí TC	1.16	0.53	0.12	0	0
Chi phí lãi vay	1.16	0.53	0.12	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.5	5.42	6.45	7.54	17.9
LN thuần từ HĐKD	144	15.8	69.1	157	104
Lợi nhuận khác	0.18	0.08	-0.01	0.00	0.00
LN trước thuế	144	15.9	69.0	157	104
Lợi nhuận sau thuế	130	13.2	58.8	137	89.4
LNST của CĐ cty mẹ	130	13.2	58.8	137	89.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.2	187	19.8	258	-34.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.0	0	-0.18	-1.03	16.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-245	-158	-21.9	-126	25.3
Tiền đầu kỳ	223	49.0	77.4	75.1	206
Lưu chuyển tiền thuần	-174	28.4	-2.28	131	7.44
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	49.0	77.4	75.1	206	213

(Nguồn: fireant.vn)